

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2024/HS-ST

Ngày: 30/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Trí Đ
2. Bà Lưu Thị Hà
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2024/TLST-HS ngày 10/06/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HS ngày 18/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐ-HSST ngày 06/8/2024, đối với:

* **Bị cáo: ĐÀO THANH T**, HKTT và chỗ ở: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đào Đ M và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/01/2010, Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện nay vụ án đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết; bị cáo bị bắt (theo QĐ truy nã) ngày 07/7/2023 - *Có mặt tại phiên tòa.*

* **Bị hại: Ông Ngô Văn T1**, địa chỉ: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1) **Bà Ngô Thị Hồng P**; địa chỉ: thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

2) **Bà Đào Hải Y**; HKTT: thôn thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/5/2009, Đào Thanh T đến nhà ông Ngô Văn T1 hỏi mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, biển kiểm soát: 30N - 8591 để làm phương tiện đi lại. Do là chỗ quen biết và chơi thân với nhau từ trước nên ông T1 tin tưởng và đồng ý cho T mượn chiếc xe ô tô trên trong thời gian 01 tuần (từ ngày 12/5/2009 đến ngày 19/5/2009). Sau khi mượn được xe ô tô của ông T1 và giải quyết xong công việc, T đã điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, biển kiểm soát: 30N - 8591 về nhà tại Cống Thôn, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Khi về nhà, thấy trong nhà nhiều người đến đòi nợ nên T đã nảy sinh ý định mang xe ô tô đi cầm cố lấy tiền để trả nợ. Ngày 13/5/2009 T đã điều khiển xe ô tô trên đến địa bàn quận Cầu Giấy thuê một người đàn ông (T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể) để làm cho T 01 đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe là Kiều Văn Đ, 01 hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Kiều Văn Đ và Tạ Thị Bích Thu với giá 200.000 đồng. Sau khi lấy các giấy tờ giả từ người đàn ông trên, T điều khiển xe ô tô về nhà. Ngày 14/5/2009 Đào Thanh T điều khiển chiếc xe ô tô, biển kiểm soát: 30N - 8591 đến cửa hàng cầm đồ Hoàn Anh tại địa chỉ: số nhà 62, tổ 34 thị trấn Đông Anh - nay là số nhà 62, tổ 22 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội do bà Ngô Thị Hồng P làm chủ để cầm cố chiếc xe nêu trên. T đã đưa cho bà P xem giấy tờ xe ô tô gồm: 01 đăng ký xe ô tô, 01 hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Kiều Văn Đ và Tạ Thị Bích Thu, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm. Sau khi kiểm tra xe oto và giấy tờ kèm theo, bà P đồng ý cầm cố chiếc xe ô tô trên trong thời hạn 07 ngày phải thanh toán, với số tiền cầm cố là 10.000USD lãi suất là 700 đồng/1 triệu/1 ngày. Ông T1 đã nhiều lần liên lạc với T để đòi lại xe nhưng không được. Khi đến thời gian T trả tiền, bà P có liên lạc cho T nhưng cũng không liên lạc được. Cơ quan CSĐT đã tiến hành lập biên bản thu giữ chiếc xe ô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ T để lại cho bà P

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 (một) Đăng ký xe ô tô mang tên Kiều Văn Đ; 01 (một) Hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Hoàng Anh; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, màu sơn bạc, loại xe ô tô con, số máy 8030751, số khung: 013015692, biển số 30N - 8591, xe ô tô đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong; 01 (một) Hợp đồng mua bán tài sản và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Tạ Thị Bích Thu (bản phô tô).

Quá trình làm việc với ông Kiều Văn Đ (HKTT: Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội) khai như sau: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, biển kiểm soát: 30N - 8591 là do ông Đ đứng tên đăng ký nhưng thực chất toàn bộ số tiền chi phí để mua chiếc xe ô tô trên là của ông Ngô Văn T1. Vì ông Đ và ông T1 là anh em gần nhà nhau, chơi thân với nhau, do điều kiện cá nhân ông T1 lúc đó không đăng ký xe ô tô được nên

ông T1 đã nhờ ông Đ đứng tên đăng ký hộ ông T1 còn thực tế ông T1 là người sở hữu chiếc xe ô tô trên.

Tại bản kết luận giám định số 2098/C21(P3) ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận như sau: Hàng chữ KMHBUS1DP8U814669 đóng trên khung xe và hàng chữ số G4EE 8030751 đóng trên thân máy là các hàng chữ số nguyên thủy của xe.

Tại bản kết luận giám định số 2105/C21(P6) ngày 31/8/2009 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: “Phòng công chứng số 2” trên Hợp đồng mua bán tài sản (xe ô tô) đề ngày 05.3.2009 (ký hiệu A) với hình dấu mẫu so sánh cùng nội dung trên tài liệu ký hiệu M là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Văn Hạnh trên hợp đồng mua bán tài sản (xe ô tô) đề ngày 05.3.2009 (ký hiệu A) với chữ ký của Trần Văn Hạnh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là không phải do một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 3008/C21(P6) ngày 14/12/2009 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Đăng ký xe ô tô số 12961, biển số 30N-8591, cấp cho xe Hyundai số máy 8030751, số khung 814669 ghi tên chủ xe Kiều Văn Đ gửi giám định là đăng ký giả, được in bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên xác định chiếc ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, mang biển kiểm soát: 30N-8591 trị giá 274.890.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ ngày 16/9/2009, Cơ quan CSĐT - Công an quận Long Biên đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đào Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 140 BLHS năm 1999. Do T bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT - Công an quận Long Biên đã không thực hiện được Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với T. Ngày 07/01/2010, Cơ quan CSĐT - Công an quận Long Biên đã ra quyết định truy nã đối với Đào Thanh T. Ngày 16/01/2010 thời hạn điều tra vụ án hết, do chưa xác định được bị can T ở đâu Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đào Thanh T.

Ngày 07/7/2023, Phòng PC01 - Công an Thành phố Hà Nội đã bắt được Đào Thanh T theo quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT - Công an quận Long Biên. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Đào Thanh T. Tại Cơ quan quyết định điều tra, T khai nhận: Sau khi mượn xe ô tô của ông T1 và giải quyết xong công việc, T đi về nhà thì thấy trong nhà có nhiều người đến

đòi nợ do vậy T quay đi và nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của ông T1. T đã thuê người làm giả giấy tờ đăng kí xe và Hợp đồng mua bán sau đó mang xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, mang biển kiểm soát: 30N - 8591 đặt cho bà P lấy 10.000 USD đồng thời bỏ trốn sang thành phố Kiev thuộc Liên bang Nga nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Đến khoảng đầu năm 2023 T về Việt Nam và bị bắt truy nã vào ngày 07/7/2023. Đào Thanh T khai nhận mục đích T làm giả đăng kí xe ô tô và Hợp đồng mua bán xe để tránh cho bà P gặp rắc rối nếu cầm cố xe không có giấy tờ, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Bản cáo trạng số 160/CT-VKSLB ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Đào Thanh T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 nay là Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- **Bị cáo** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo tiếp tục khẳng định sau khi mượn xe ông T1 trở về nhà, thấy trong nhà nhiều người đến đòi nợ nên bị cáo đã nảy sinh ý định mang xe ô tô đi cầm cố lấy tiền để trả nợ. Số tiền vay của bà P thì bị cáo chi tiêu một mình, bà Y là vợ bị cáo không được sử dụng chung, bị cáo nhận trách nhiệm một mình đối với khoản tiền phải thanh toán cho bà P.

- **Đại diện Viện kiểm sát** giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Thanh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 175, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định. Buộc bị cáo và bà Đào Hải Y liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị Hồng P số tiền 169.410.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- **Bà Ngô Thị Hồng P** giữ lời khai như đã trình bày tại cơ quan điều tra, yêu cầu bị cáo và vợ là bà Đào Hải Y liên đới bồi thường số tiền là 10.000 USD tính ra Việt Nam đồng tại thời điểm cầm cố ngày 14/5/2009 là 169.410.000 đồng (*Một trăm sáu chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị hại là ông Ngô Văn T1 và người liên quan là bà Đào Hải Y đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, đã được triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt. Xét việc vắng mặt ông T1 và bà Y không làm cản trở việc xét xử đối với bị cáo. Do vậy, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 12/5/2009 tại tổ 25 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Đào Thanh T mượn của ông Ngô Văn T1 01 xe oto nhãn hiệu Hyundai Click, biển kiểm soát: 30N – 8591 để làm phương tiện đi lại với thời hạn mượn là 01 (một) tuần sẽ trả xe. Do nợ nần nhiều và bị thúc ép trả nợ, nên sau khi mượn được xe của ông T1 thì T cầm cố chiếc xe nêu trên cho bà Ngô Thị Hồng P với giá 10.000USD. Hết thời hạn mượn xe, ông T1 nhiều lần liên lạc để đòi lại xe nhưng T đã bỏ trốn khỏi địa phương và không trả lại xe cho ông T1. Kết luận định giá chiếc xe oto nêu trên là 274.890.000 đồng (*hai trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, do Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” có quy định hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật Hình sự năm 1999, nên áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để xét xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật Hình sự bảo vệ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội độc lập. Bị cáo chưa từng bị kết án, tuy nhiên trong cùng thời điểm bị truy cứu trách nhiệm hình sự của vụ án này, thì bị cáo đồng thời bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã của công an quận Long Biên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như đã viện dẫn, thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt với mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Click, biển kiểm soát: 30N - 8591: Quá trình điều tra xác định ông Kiều Văn Đ và ông Ngô Văn T1 là anh em gần nhà nhau và chơi thân với nhau, do điều kiện cá nhân nên ông T1 đã nhờ ông Đ đứng tên đăng ký hộ, toàn bộ số tiền chi phí để mua chiếc xe ô tô trên là của ông Ngô Văn T1 và trên thực tế ông T1 là người quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô trên. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Ngô Văn T1, là phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với vật chứng là 01 Đăng ký xe ô tô mang tên Kiều Văn Đ; 01 Hợp đồng mua bán tài sản và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Tạ Thị Bích Thu (bản phô tô); 01 Hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Hoàng Anh là tài liệu, chứng cứ đã được đưa vào hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bị hại là ông Ngô Văn T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

[7.2] Hợp đồng cầm đồ ghi ngày 14/5/2009 là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi và có tài sản bảo đảm, trong đó số tiền vay là 10.000USD, thời hạn từ ngày 14/5/2009 đến 14/6/2009, tài sản bảo đảm là chiếc xe oto Huyndai BKS 30N-8591. Nay tài sản bảo đảm cho khoản vay đã bị thu hồi trả cho bị hại, nên chuyển thành hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm.

Xét bên vay tại phần “họ tên người cầm đồ” ghi “Đào Thanh T”, phần ký và ghi rõ họ tên người cầm đồ gồm có “Đào Thanh T” và “Đào Hải Y”. Quá trình điều tra bà Y khẳng định có đi cùng bị cáo T đến cửa hàng cầm đồ của bà P, việc giao dịch cụ thể do bị cáo T trực tiếp trao đổi, bà Y biết bị cáo T vay 10.000USD và cầm cố chiếc xe nhưng không biết bị cáo sử dụng tiền vay như thế nào, nguồn gốc chiếc xe ra sao, tuy nhiên khẳng định chữ viết, chữ ký của mình bên phần “người cầm đồ”. Do vậy, có cơ sở để xác định bên vay tiền trong “Hợp đồng cầm đồ” ghi ngày 14/5/2009 là bị cáo Đào Thanh T và bà Đào Hải Y.

Theo quy định của Ngân hàng nhà nước thì chỉ có các tổ chức tín dụng mới được phép hoạt động ngoại hối và thực hiện cho vay bằng ngoại tệ. Việc Cửa hàng dịch vụ cầm đồ Hoàn Anh cho bị cáo T và bà Y vay bằng đô la Mỹ (ngoại tệ) là không phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này vô hiệu theo quy định tại các Điều 122 và 123 của Bộ luật Dân sự và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Theo tài liệu thu thập được thì tại thời điểm cầm cố ngày 14/5/2009 tỷ giá quy đổi 01 USD = 16.941 đồng. Buộc bị cáo Đào Thanh T và bà Đào Hải Y có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Hồng P số tiền 169.410.000 đồng (*Một trăm sáu chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với hành vi thuê người làm giả 01 đăng ký xe ô tô, 01 hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Kiều Văn Đ và Tạ Thị Bích Thu ngày 13/5/2009, tại thời điểm đó Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên chưa triệu tập, làm việc được với bị cáo để làm rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đến khoảng đầu năm 2023 bị cáo về Việt Nam và bị bắt truy nã vào ngày 07/7/2023, bị cáo khai nhận mục đích làm giả đăng ký xe ô tô và Hợp đồng mua bán xe để tránh cho bà P gặp rắc rối nếu cầm cố xe không có giấy tờ, ngoài ra không có mục đích nào khác, bị cáo không trực tiếp làm giả các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30N 8591 mà thuê một người đàn ông (do thời gian đã lâu bị cáo không nhớ được địa điểm cụ thể và đặc điểm người bị cáo thuê làm giả giấy tờ). Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 267 của BLHS năm 1999, tương ứng với Điều 341 BLHS năm 2015, tuy nhiên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 27 Bộ luật hình sự.

[8.2] Quá trình điều tra bà Y khẳng định có đi cùng bị cáo T đến cửa hàng cầm đồ của bà P, việc giao dịch cụ thể do bị cáo T trực tiếp trao đổi, bà Y không biết nguồn gốc chiếc xe cầm cố ra sao. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên không xem xét, xử lý đối với bà Y là có cơ sở.

[8.3] Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ có đầy đủ giấy phép kinh doanh do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 09/3/2007, chủ cửa hàng là bà Ngô Thị Hồng P. Bản thân bà P không biết chiếc xe ô tô trên là do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, không xử lý hình sự đối với bà P về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với hành vi nhận cầm cố tài sản không chính chủ đến nay đã hết thời hiệu, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

[9] Bị cáo và bà Y phải chịu án phí theo quy định; bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 175, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, 123 và 131 của Bộ luật Dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố bị cáo Đào Thanh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

- Xử phạt bị cáo Đào Thanh T **06 năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2023.

- Buộc bị cáo Đào Thanh T và bà Đào Hải Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Hồng P số tiền 169.410.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đào Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, bà Ngô Thị Hồng P có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngô Văn T1 có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, bà Đào Hải Y có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Long Biên;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA DS Q. Long Biên;
- Bộ phận THA HS Tòa án ND quận Long Biên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh